

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 19 ngày 07 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 457.228.540.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
Ông Takano Satoshi	Ủy viên
Ông Phùng Tiến Trung	Ủy viên (Bổ nhiệm tháng 4/2015)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Thắng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/7/2015)
Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/7/2015)
Ông Trần Trọng Thắng	Quyền Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/7/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chung Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, *M*



Trần Trọng Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Số. 284/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2015
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm FECON, được lập ngày 26/3/2016, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K và Công ty này đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 03 năm 2015 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Ngọc An

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hoa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.516.214.320.176	1.216.719.803.426
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	156.918.976.433	153.833.947.963
1. Tiền	111		153.224.817.452	143.139.788.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.694.158.981	10.694.158.981
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		646.800.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		646.800.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		934.583.506.312	972.845.495.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	793.147.345.696	868.406.867.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	89.152.940.202	12.228.404.568
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	55.435.507.431	95.871.056.761
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.152.287.017)	(3.660.833.446)
IV. Hàng tồn kho	140		299.567.957.501	87.471.769.276
1. Hàng tồn kho	141	5.6	299.567.957.501	87.471.769.276
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.497.079.930	2.568.591.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	791.539.200	2.349.311.140
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	21.497.104.612	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	60.684.580	219.279.865
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		102.147.751.538	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		931.875.700.174	803.531.541.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.760.000.000	3.573.556.680
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.760.000.000	3.573.556.680
II. Tài sản cố định	220		439.277.319.030	360.094.068.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	185.372.301.848	108.007.841.834
- Nguyên giá	222		312.263.981.931	190.173.636.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.891.680.083)	(82.165.794.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	178.522.228.517	184.793.418.040
- Nguyên giá	225		222.132.853.035	219.560.019.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(43.610.624.518)	(34.766.601.684)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	75.382.788.665	67.292.809.082
- Nguyên giá	228		80.849.342.466	70.795.682.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.466.553.801)	(3.502.873.384)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.599.605.725	15.012.966.845
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	24.599.605.725	15.012.966.845
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	449.970.801.752	417.543.971.752
1. Đầu tư vào công ty con	251		237.428.801.752	92.956.681.752
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		148.542.000.000	211.495.650.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.000.000.000	113.091.640.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.267.973.667	7.306.977.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	15.267.973.667	7.306.977.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.448.090.020.350	2.020.251.344.659

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.755.088.216.429	1.358.329.933.544
I. Nợ ngắn hạn	310		1.213.397.098.402	1.037.163.910.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	405.165.276.659	579.527.647.646
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	179.202.775.864	4.782.683.243
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	16.173.025.534	51.156.238.588
4. Phải trả người lao động	314		1.535.765.056	1.803.475.422
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	172.409.566.063	203.813.586.758
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.038.400	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	32.053.411.934	97.941.900
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	406.817.238.892	187.860.165.906
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	8.122.170.777
II. Nợ dài hạn	330		541.691.118.027	321.166.023.304
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		466.610.324	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	173.139.507.703	125.581.023.304
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.18	368.085.000.000	195.585.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		693.001.803.921	661.921.411.115
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	693.001.803.921	661.921.411.115
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	34.538.983.821
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.896.154.025	52.664.242.304
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.338.126.075	117.489.644.990
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.731.481.322	117.489.644.990
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		100.606.644.753	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.448.090.020.350	2.020.251.344.659
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Phan Vương Cường

Kế toán trưởng



Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	1.311.149.369.337	1.206.122.142.111
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	1.311.149.369.337	1.206.122.142.111
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	1.074.760.613.188	988.353.354.833
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		236.388.756.149	217.768.787.278
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	79.668.894.076	7.449.678.517
7. Chi phí tài chính	22	5.24	107.932.703.032	29.349.189.834
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.012.284.803	28.212.314.837
8. Chi phí bán hàng	25	5.25	8.617.832.519	7.207.894.957
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	70.847.377.245	48.490.245.392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		128.659.737.429	140.171.135.612
11. Thu nhập khác	31	5.26	41.569.894.313	133.887.114.673
12. Chi phí khác	32	5.26	45.115.999.251	142.019.305.072
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	(3.546.104.938)	(8.132.190.399)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		125.113.632.491	132.038.945.213
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	24.367.509.865	29.719.828.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		100.746.122.626	102.319.117.213

Người lập biểu



Phan Vương Cường

Kế toán trưởng



Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		125.113.632.491	132.038.945.213
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		59.588.198.574	40.328.992.887
- Các khoản dự phòng	03		(508.546.429)	(2.942.525.412)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.255.856.825	1.135.718.536
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.744.177.342)	(7.467.096.978)
- Chi phí lãi vay	06		54.905.979.346	28.212.314.837
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		207.610.943.465	191.306.349.083
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.245.582.652	(293.050.959.777)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(212.096.188.225)	(14.766.623.948)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.078.146.259)	202.441.194.902
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.403.224.727)	(6.052.620.422)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.905.979.346)	(28.212.314.837)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(33.718.046.551)	(50.101.940.622)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		568.983.071	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(42.907.503.328)	(22.978.122.879)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(149.683.579.248)	(21.415.038.500)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(186.873.622.399)	(202.719.191.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		41.030.772.365	133.642.476.009
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.646.800.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	5.123.896.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(180.036.120.000)	(218.380.650.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		59.100.000.000	30.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.878.679.115	7.449.678.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(240.547.090.919)	(244.883.790.963)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	19.879.550.000
3. Tiền thu từ cho vay	33		932.277.225.208	648.233.091.820
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(471.820.240.173)	(400.885.193.586)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(21.441.427.650)	(45.382.854.850)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.722.854.000)	(39.754.668.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		393.292.703.385	182.089.925.184
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.062.033.218	(84.208.904.279)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		153.833.947.963	238.042.852.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		22.995.252	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		156.918.976.433	153.833.947.963

Người lập biểu

Phan

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, đăng ký thay đổi các lần và lần lần thứ 19 ngày 07 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 457.228.540.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 731 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Viện nền móng và Công trình ngầm	Xây dựng, nghiên cứu	100%	100%
Công ty Cổ phần Fecon Miltec	Sản xuất	50,29%	50,29%
Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour	Thi công, Xây lắp công trình	51,18%	51,18%
Trường THPT Ý Yên	Đào tạo	38,12%	67,74%
Công ty Cổ phần Công trình Ngầm FECON	Thi công, Xây lắp công trình	58,52%	51%
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	Thi công, Xây lắp công trình	63,89%	51%
<i>Công ty Liên kết</i>			
Công ty CP Khoáng sản FECON	Sản xuất, thương mại	36,09%	36,09%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.4), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung bằng phần mềm Hệ thống Kế toán ERP SAP FPT.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

<u>Thời điểm</u>	<u>Tên Ngân hàng</u>	<u>Tỷ giá mua vào</u>	<u>Tỷ giá bán ra</u>
31/12/2015	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	22.450	22.540
31/12/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm	22.450	22.540
31/12/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam-VCB Geotech 2013	22.450	22.540
31/12/2015	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	22.450	22.540
31/12/2015	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	22.450	22.540

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07

Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 - 05 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Trích trước chi phí công trình theo các biên bản nghiệm thu khối lượng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo lãi suất thực tế từng hợp đồng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoạt động xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	18.611.305.214	28.693.121.016
Tiền gửi ngân hàng	134.613.512.238	114.446.667.966
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	3.694.158.981	10.694.158.981
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.694.158.981	10.694.158.981
Tổng	156.918.976.433	153.833.947.963

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	793.147.345.696	868.406.867.299
Công ty TNHH CHEIL INDUSTRIES INC. Việt Nam	14.590.510.000	88.152.227.823
Công ty TNHH Samsung Engineering Vietnam	23.710.660.000	37.821.300.000
Công ty Samsung C&T Corporation Hàn Quốc	-	39.470.310.000
Công ty TOA Corporation Nhật Bản	38.354.563.933	75.200.604.453
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	202.068.151.320	102.843.972.315
Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	31.356.708.222	109.832.686.096
Tổng công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV	28.490.056.059	104.307.456.059
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	66.938.993.530	31.915.970.340
Công ty CP Xây dựng nền móng Long Giang	1.177.845.292	29.354.820.000
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu SHANGHAI HARBOUR Việt Nam	49.255.576.776	87.991.673.657
Công ty Cổ phần Bitexco	80.850.633.235	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Môi trường SFC Việt Nam	24.077.658.000	-
Công ty TNHH Một thành viên 17	40.997.269.803	-
Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng nông nghiệp Quốc tế Nghệ An	15.981.866.879	-
Công ty TNHH Đầu tư Capitaland-Hoàng Thành	3.671.182.081	38.070.514.873
Phải thu các đối tượng khác	171.625.670.566	123.445.331.683
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	209.405.194	-
Tổng	793.147.345.696	868.406.867.299

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon	14.464.863.705	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	19.831.680.000	-
Công ty Cổ phần Nền móng và Xây dựng FECON Quang Anh	-	1.218.580.000
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Xây dựng Thăng Long	-	5.603.006.300
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	36.732.754.215	-
Các đối tượng khác	18.123.642.282	5.406.818.268
Tổng	89.152.940.202	12.228.404.568

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	55.435.507.431	-	95.871.056.761	-
Công ty TNHH Cơ khí chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn	513.086.815	-	513.086.815	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
- Ký cược, ký quỹ	4.934.348.000	-	2.000.000	-
- Tạm ứng	45.432.199.064	-	90.514.779.876	-
- Phải thu khác	140.039.942	-	425.356.460	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	55.435.507.431	-	95.871.056.761	-

5.5 Các khoản nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.904.162.528	2.751.875.511	5.904.162.528	2.243.329.082

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP Đầu tư XD Vinaconex -PVC				792.689.600
Công ty XD Công trình Giao thông 892				269.661.360
Công ty TNHH MTV 508				1.319.021.000
Công ty CP Phúc Lộc				177.226.521
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí IMICO				1.040.057.553
Xí nghiệp xây lắp số 2 HN				566.081.195
Công ty CP Sông đà Hoàng Long				482.801.650
Các đối tượng khác				1.256.623.649

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	59.514.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.875.386.001	-	9.016.800.098	-
Công cụ, dụng cụ	949.548.077	-	-	-
Chi phí SX KDDD	289.681.274.590	-	78.454.969.178	-
Hàng hóa	1.002.234.833	-	-	-
Tổng	299.567.957.501	-	87.471.769.276	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	791.539.200	2.349.311.140
Công cụ dụng cụ	161.976.637	233.098.425
Chi phí quảng cáo	-	43.355.612
Chi phí thuê kho, văn phòng	136.747.126	391.562.909
Chi phí mua phần mềm	-	80.458.333
Phí bảo hiểm	335.502.895	270.714.868
Bảo hộ lao động	-	792.008.167
Chi phí tuyển dụng	-	3.547.500
Chi phí khác	157.312.542	534.565.326
Dài hạn	15.267.973.667	7.306.977.000
Công cụ dụng cụ	8.804.728.927	5.986.495.460
Chi phí sửa chữa	3.298.541.252	983.074.754
Chi phí phần mềm	-	116.633.333
Phí bảo hiểm	164.905.219	137.083.333
Phí đào tạo tuyển dụng	77.410.000	-
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu, Chi phí khác	2.922.388.269	83.690.120
Tổng	16.059.512.867	9.656.288.140

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

MẪU B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2015	2.636.995.426	158.584.034.507	18.168.851.061	561.029.295	10.222.726.108	190.173.636.397
Tăng trong năm	-	160.929.138.278	3.107.809.091	202.272.727	2.792.190.157	167.031.410.253
Mua trong năm	-	119.886.136.858	3.107.809.091	202.272.727	2.792.190.157	125.988.408.833
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	38.692.081.375	-	-	-	38.692.081.375
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.350.920.045	-	-	-	2.350.920.045
Giảm trong năm	-	43.028.547.429	1.912.517.290	-	-	44.941.064.719
Thanh lý, nhượng bán	-	42.902.972.884	1.912.517.290	-	-	44.815.490.174
Giảm khác	-	125.574.545	-	-	-	125.574.545
Số dư tại 31/12/2015	2.636.995.426	276.484.625.356	19.364.142.862	763.302.022	13.014.916.265	312.263.981.931
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2015	878.998.480	69.092.326.407	9.300.106.026	339.388.359	2.554.975.291	82.165.794.563
Tăng trong năm	263.735.670	43.754.636.914	2.692.147.961	121.243.634	1.948.731.193	48.780.495.372
Khấu hao trong năm	263.735.670	23.415.528.054	2.692.147.961	121.243.634	1.948.731.193	28.441.386.512
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	20.339.108.860	-	-	-	20.339.108.860
Giảm trong năm	-	2.185.829.635	1.868.780.217	-	-	4.054.609.852
Thanh lý, nhượng bán	-	2.180.382.337	1.868.780.217	-	-	4.049.162.554
Giảm khác	-	5.447.298	-	-	-	5.447.298
Số dư tại 31/12/2015	1.142.734.150	110.661.133.686	10.123.473.770	460.631.993	4.503.706.484	126.891.680.083
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	1.757.996.946	89.491.708.100	8.868.745.035	221.640.936	7.667.750.817	108.007.841.834
Tại 31/12/2015	1.494.261.276	165.823.491.670	9.240.669.092	302.670.029	8.511.209.781	185.372.301.848

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.501.107.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.9 Tài sản thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	219.560.019.724	219.560.019.724
Tăng trong năm	41.244.914.686	41.244.914.686
Mua trong năm	41.244.914.686	41.244.914.686
Giảm trong năm	38.672.081.375	38.672.081.375
Mua lại tài sản thuê tài chính	38.672.081.375	38.672.081.375
Số dư tại 31/12/2015	222.132.853.035	222.132.853.035
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	34.766.601.684	34.766.601.684
Tăng trong năm	29.183.131.645	29.183.131.645
Khấu hao trong năm	29.183.131.645	29.183.131.645
Giảm trong năm	20.339.108.811	20.339.108.811
Mua lại tài sản thuê tài chính	20.339.108.811	20.339.108.811
Số dư tại 31/12/2015	43.610.624.518	43.610.624.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	184.793.418.040	184.793.418.040
Tại 31/12/2015	178.522.228.517	178.522.228.517

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	69.745.591.719	534.362.990	515.727.757	70.795.682.466
Tăng trong năm	10.053.660.000	-	-	10.053.660.000
Mua trong năm	10.053.660.000	-	-	10.053.660.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	79.799.251.719	534.362.990	515.727.757	80.849.342.466
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	2.929.845.581	271.616.591	301.411.212	3.502.873.384
Tăng trong năm	1.811.657.530	116.738.476	35.284.411	1.963.680.417
Khấu hao trong năm	1.811.657.530	116.738.476	35.284.411	1.963.680.417
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	4.741.503.111	388.355.067	336.695.623	5.466.553.801
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	66.815.746.138	262.746.399	179.032.134	67.292.809.082
Tại 31/12/2015	75.057.748.608	146.007.923	214.316.545	75.382.788.665

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
FECON - Hệ thống ERP SAP FPT	24.599.605.725	15.012.966.845
Tổng	24.599.605.725	15.012.966.845

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015			
	Tỷ lệ					
	Vốn giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con						
Viện nền móng và Công trình ngâm	100%	100%	237.428.801.752	249.816.925.551	92.956.681.752	113.758.438.992
Công ty Cổ phần Fecon Miltec	50,29%	50,29%	26.000.000.000	36.692.130.209	26.000.000.000	36.165.764.405
Công ty CP Xir lý nền Fecon Shanghai Habour	51,18%	51,18%	10.494.064.002	12.354.896.899	10.494.064.002	11.516.746.202
Trường THPT Ý Yên	38,12%	67,74%	52.962.617.750	53.181.094.508	52.962.617.750	60.451.521.083
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	63,89%	51%	3.500.000.000	3.116.683.934	3.500.000.000	5.624.407.302
Công ty CP Công trình ngâm FECON	58,52%	51%	132.472.120.000	132.472.120.000	-	-
			12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty CP Khoáng sản FECON	36,09%	36,09%	148.542.000.000	169.636.848.513	211.495.650.000	235.458.510.682
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP			148.542.000.000	169.636.848.513	148.542.000.000	163.947.857.047
			-	-	62.953.650.000	71.510.653.635
Đầu tư vào đơn vị khác						
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP			64.000.000.000	64.190.796.536	113.091.640.000	122.073.606.812
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC			-	-	70.000.000.000	78.979.548.680
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí			64.000.000.000	64.190.796.536	34.760.000.000	34.762.418.133
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng			-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
			-	-	1.331.640.000	1.331.640.000
Tổng			449.970.801.752	483.644.570.600	417.543.971.752	471.290.556.486

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	405.165.276.659	405.165.276.659	579.527.647.646	579.527.647.646
Viện Nền móng và Công trình Ngâm FECON Công ty Cổ phần Xử lý Nền FECON SHANGHAI HARBOUR Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc Gia Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền Shanghai Harbour Soft Soil Treatment ...Co., Ltd KANAMOTO CO.,LTD Các đối tượng khác	11.912.591.138 137.375.554.303 105.006.327.635 5.392.834.928 64.654.008.008 - 32.044.519.500 - 48.779.441.147	11.912.591.138 137.375.554.303 105.006.327.635 5.392.834.928 64.654.008.008 - 32.044.519.500 - 48.779.441.147	13.031.842.905 127.913.938.134 291.199.849.304 22.577.391.506 - 11.722.102.915 67.714.717.500 - 45.367.805.382	13.031.842.905 127.913.938.134 291.199.849.304 22.577.391.506 - 11.722.102.915 67.714.717.500 - 45.367.805.382
Tổng	405.165.276.659	405.165.276.659	579.527.647.646	579.527.647.646

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

Viện Nền móng và Công trình Ngâm FECON Công ty Cổ phần Xử lý Nền FECON SHANGHAI HARBOUR Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	11.912.591.138 137.375.554.303 105.006.327.635 64.654.008.008	11.912.591.138 137.375.554.303 105.006.327.635 64.654.008.008	13.031.842.905 127.913.938.134 291.199.849.304 -	13.031.842.905 127.913.938.134 291.199.849.304 -
--	--	--	---	---

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.14 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	1.048.813.771	3.115.451.666
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	33.807.507.938	-
Công ty TNHH CHEIL INDUSTRIES INC. Việt Nam	1.369.260.000	-
Công ty Samsung C&T Corporation Hàn Quốc - Thầu Chính XDNM Tổ Hợp METAL 3D GLASS BUILDING SEVT	2.401.560.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC	117.681.714.992	-
Công ty Cổ phần Bitexco	1.299.252.417	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Môi trường SFC Việt Nam	4.262.737.050	-
Các đối tượng khác	17.331.929.696	1.667.231.577
Tổng	179.202.775.864	4.782.683.243

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp	51.156.238.588	269.206.867.879	304.190.080.933	16.173.025.534
Thuế giá trị gia tăng	26.949.417.254	236.870.415.346	263.819.832.600	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.869.685.373	25.661.089.087	33.718.046.551	15.812.727.909
Thuế thu nhập cá nhân	337.135.961	6.672.363.446	6.649.201.782	360.297.625
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	219.279.865	182.420.903.392	160.765.203.495	21.557.789.192
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	161.353.703	20.825.382.653	20.664.028.950	-
Thuế XNK	57.926.162	2.407.249.488	2.410.007.906	60.684.580
Thuế GTGT được khấu trừ	-	159.188.271.251	137.691.166.639	21.497.104.612

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	172.409.566.063	203.813.586.758
Trích trước chi phí các công trình	172.409.566.063	203.813.586.758
Tổng	172.409.566.063	203.813.586.758

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay							
Vay ngắn hạn	406.817.238.892	406.817.238.892	687.918.469.406	468.961.396.420	187.860.165.906	187.860.165.906	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	94.460.424.551	94.460.424.551	306.098.728.199	274.250.652.162	62.612.348.514	62.612.348.514	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	231.964.413.858	231.964.413.858	301.227.340.724	190.333.494.258	121.070.567.392	121.070.567.392	
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thái Bình	63.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000	4.177.250.000	4.177.250.000	4.177.250.000	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1	17.392.400.483	17.392.400.483	17.592.400.483	200.000.000	-	-	
Vay dài hạn	55.419.607.727	55.419.607.727	52.559.804.480	2.858.843.753	5.718.647.000	5.718.647.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (Thời hạn vay 36 tháng)	2.375.000.000	2.375.000.000	-	890.625.000	3.265.625.000	3.265.625.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi Nhánh Thăng Long (Thời hạn vay 60 tháng)	1.362.790.000	1.362.790.000	-	1.090.232.000	2.453.022.000	2.453.022.000	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1	38.157.817.727	38.157.817.727	39.035.804.480	877.986.753	-	-	
SHOWA LEASING ,LTD	13.524.000.000	13.524.000.000	13.524.000.000	-	-	-	
Tổng	462.236.846.619	462.236.846.619	740.478.273.886	471.820.240.173	193.578.812.906	193.578.812.906	

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Nợ thuế tài chính	Năm 2015		Năm 2014		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Trên 5 năm	-	-	-	-	-
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.912.931.414	3.598.508.964	18.314.422.450	4.608.316.923	15.521.035.175
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.549.344.985	5.920.307.965	17.629.037.020	659.386.486	1.176.000.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chalease	127.437.610	-	127.437.610	184.968.164	1.372.482.028
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	1.103.197.622	313.904.714	789.292.908	-	-
Tổng	46.692.911.631	9.832.721.643	36.860.189.988	5.452.671.573	18.069.517.203

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.132625.15/HĐTD ngày 30/06/2015 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô

Hạn mức: 500.000.000.000 VND

- Cho vay ngắn hạn: 250.000.000.000 VND

- Bảo lãnh: 250.000.000.000 VND

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 30/06/2015

Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ

Biện pháp bảo đảm: Thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay, Bên thứ ba; Bảo lãnh của Bên thứ ba; Toàn bộ số dư tài khoản bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐTD/15118 ngày 10/07/2015 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

Hạn mức: 500.000.000.000 VND

- Hạn mức cho vay: 250.000.000.000 VND

- Bảo lãnh, L/C: 250.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	32.053.411.934	97.941.900
Kinh phí công đoàn	335.861.287	93.492.100
Phải trả, phải nộp khác	31.717.550.647	4.449.800
<i>Liên danh FECON-COTECCONS-CIENCO 6</i>	<i>30.206.281.929</i>	-
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>1.511.268.718</i>	<i>4.449.800</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	32.053.411.934	97.941.900

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	397.591.180.000	34.538.983.821	35.157.778.716	11.478.889.358	110.080.470.832	588.847.302.727
Tăng vốn	59.637.360.000	-	-	-	-	59.637.360.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	102.319.117.212	102.319.117.212
Tăng khác	-	-	4.018.384.153	2.009.190.077	265.865.565	6.293.439.795
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(10.045.954.384)	(10.045.954.384)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(39.759.118.000)	(39.759.118.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	(39.757.810.000)	(39.757.810.000)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(2.012.334.207)	(2.012.334.207)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.600.592.028)	(3.600.592.028)
Số dư tại 31/12/2014	457.228.540.000	34.538.983.821	39.176.162.869	13.488.079.435	117.489.644.990	661.921.411.115
Số dư tại 01/01/2015	457.228.540.000	34.538.983.821	52.664.242.304	-	117.489.644.990	661.921.411.115
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	100.746.122.626	100.746.122.626
Tăng khác	-	-	-	-	35.000.000	35.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	10.231.911.721	-	(20.463.823.441)	(10.231.911.720)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(45.722.854.000)	(45.722.854.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(13.745.964.100)	(13.745.964.100)
Số dư tại 31/12/2015	457.228.540.000	34.538.983.821	62.896.154.025	-	138.338.126.075	693.001.803.921

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	457.228.540.000	397.591.180.000
Vốn góp tăng trong năm	-	59.637.360.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	457.228.540.000	457.228.540.000
Cổ tức	45.722.854.000	79.516.928.000
Trích lập quỹ	20.463.823.441	10.045.954.384

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.722.854	45.722.854
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.722.854	45.722.854
Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	45.722.854
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.722.854	45.722.854
Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	45.722.854
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.21 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	114.662.707.123	273.201.490.689
Doanh thu xây lắp	1.180.029.004.021	868.521.660.325
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.457.658.193	64.398.991.097
Tổng	1.311.149.369.337	1.206.122.142.111

5.22 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng	114.443.334.525	246.755.389.030
Giá vốn hoạt động xây lắp	948.300.413.783	702.552.397.264
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.016.864.880	39.045.568.539
Tổng	1.074.760.613.188	988.353.354.833

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	929.439.115	970.894.512
Lãi bán các khoản đầu tư	59.100.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.949.240.000	6.478.784.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	690.214.961	5
Tổng	79.668.894.076	7.449.678.517

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	45.012.284.803	28.212.314.837
Lãi thuê tài chính	9.893.694.543	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	46.498.946.518	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.527.777.168	1.136.662.438
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	212.559
Tổng	107.932.703.032	29.349.189.834

5.25 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí bán hàng	8.617.832.519	7.207.894.957
Chi phí nhân viên	6.895.446.834	4.677.018.372
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	330.539.140	739.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	777.284.690	1.472.486.504
Chi phí bằng tiền khác	614.561.855	1.057.650.536
Chi phí quản lý	70.847.377.245	48.490.245.392
Chi phí nhân viên quản lý	31.444.867.711	17.844.755.805
Chi phí vật liệu quản lý	8.285.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.467.254.447	971.816.708
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.359.748.629	3.875.495.304
Thuế phí và lệ phí	6.923.495.869	88.520.390
Chi phí dự phòng	-	(2.942.525.412)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.468.690.973	10.455.660.934
Chi phí bằng tiền khác	14.175.034.616	18.196.521.663
Tổng	79.465.209.764	55.698.140.349

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.26 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Thu bán tài sản cho các Công ty cho thuê tài chính	40.722.590.547	133.642.476.009
Thu thanh lý tài sản	308.181.818	-
Điều chỉnh thu nhập khác năm 2013	-	(41.780.000)
Điều chỉnh công nợ	-	160.000.000
Thu tiền bồi thường	449.856.061	-
Thu nhập khác	5.138.877	126.418.664
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	84.127.010	-
Tổng	41.569.894.313	133.887.114.673
Chi phí khác		
Giá trị của các tài sản bán cho các công ty cho thuê tài chính	40.722.590.547	133.625.057.543
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	43.737.073	-
Phạt chậm nộp thuế, Hành chính và các khoản khác	2.263.909.254	8.097.917.326
Giá trị còn lại của vật tư, CCDC	2.085.762.377	
Chi phí khác		296.330.203
Tổng	45.115.999.251	142.019.305.072
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(3.546.104.938)	(8.132.190.399)

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên , thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.367.509.865	29.719.828.000
Tổng	24.367.509.865	29.719.828.000

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	979.948.458.351	575.555.484.007
Chi phí nhân công	112.154.557.421	70.659.460.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.697.106.784	40.089.393.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.233.070.511	307.004.196.510
Chi phí khác bằng tiền	50.693.078.628	43.055.927.143
Tổng	1.613.726.271.695	1.036.364.461.494

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu		209.405.194	-
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty con	209.405.194	
Phải trả người bán		318.977.041.084	433.950.950.783
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	11.912.591.138	13.031.842.905
Công ty CP xử lý nền FECON Shanghai Harbour	Công ty con	137.375.554.303	127.913.938.134
Công ty CP FECON MILTEC	Công ty con	28.560.000	1.805.320.440
Công ty CP khoáng sản FECON	Công ty liên kết	105.006.327.635	291.199.849.304
Công ty CP Hạ tầng FECON	Công ty con	64.654.008.008	
Trả trước cho người bán		51.632.014.960	-
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	434.397.040	-
Công ty CP Hạ tầng FECON	Công ty con	36.732.754.215	-
Công ty CP Khoáng sản FECON	Công ty con	14.464.863.705	-

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các giao dịch bán hàng			
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	-	3.584.113.572
Công ty CP khoáng sản FECON	Công ty liên kết	47.868.066.020	49.940.375.048
Công ty CP xử lý nền FECON Shanghai Harbour	Công ty con	-	250.395.585
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty con	1.087.290.632	-
Tổng		48.955.356.652	53.774.884.205
Các giao dịch mua hàng			
Viện nền móng và công trình ngầm	Công ty con	25.469.649.051	35.582.946.350
Công ty CP xử lý nền FECON Shanghai Harbour	Công ty con	19.644.148.335	24.363.019.481
Công ty CP FECON MILTEC	Công ty con	1.407.878.181	49.251.040.245
Công ty CP khoáng sản FECON	Công ty liên kết	280.014.969.770	534.077.467.441
Công ty CP Công trình ngầm FECON	Công ty con	1.711.281.000	-
Công ty CP Hạ tầng FECON	Công ty con	86.970.460.143	-
Tổng		415.218.386.480	643.274.473.517

6.2 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 đến trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi số	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.918.976.433	153.833.947.963
Phải thu khách hàng và phải thu khác	848.582.853.127	964.277.924.060
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	449.970.801.752	417.543.971.752
Tổng	1.455.472.631.312	1.535.655.843.775
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	532.398.262.196	313.441.189.210
Phải trả người bán và phải trả khác	437.218.688.593	579.625.589.546
Chi phí phải trả	172.409.566.063	203.813.586.758
Tái phiếu chuyển đổi	368.085.000.000	195.585.000.000
Tổng	1.510.111.516.852	1.292.465.365.514

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá của công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro vốn**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	406.817.238.892	125.581.023.304	532.398.262.196
Phải trả người bán và phải trả khác	437.218.688.593	-	437.218.688.593
Chi phí phải trả	172.409.566.063	-	172.409.566.063
Trái phiếu chuyển đổi	-	368.085.000.000	368.085.000.000
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	187.860.165.906	125.581.023.304	313.441.189.210
Phải trả người bán và phải trả khác	579.625.589.546	-	579.625.589.546
Chi phí phải trả	203.813.586.758	-	203.813.586.758
Trái phiếu chuyển đổi	-	195.585.000.000	195.585.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.918.976.433	-	156.918.976.433
Phải thu khách hàng và phải thu khác	848.582.853.127	-	848.582.853.127
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	449.970.801.752	449.970.801.752
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.833.947.963	-	153.833.947.963
Phải thu khách hàng và phải thu khác	964.277.924.060	-	964.277.924.060
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	417.543.971.752	417.543.971.752

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K và Công ty này đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 03 năm 2015 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên số dư cuối kỳ năm 2014. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Chênh lệch
Tài sản				
1	Phải thu ngắn hạn khác	5.354.276.885	95.871.056.761	90.516.779.876
2	Tài sản ngắn hạn khác	90.516.779.876	-	(90.516.779.876)
3	Phải thu dài hạn khác	-	3.573.556.680	3.573.556.680
4	Tài sản dài hạn khác	3.573.556.680	-	(3.573.556.680)
Nguồn vốn				
1	Quỹ đầu tư phát triển	39.176.162.869	52.664.242.304	13.488.079.435
2	Quỹ dự phòng tài chính	13.488.079.435		(13.488.079.435)

Người lập biểu



Phan Vương Cường

Kế toán trưởng



Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 KỸ THUẬT NỀN MÓNG
 VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM
 FECON



Trần Trọng Thắng